

## NGHỊ QUYẾT

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2017

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Pin Ác Quy Vĩnh Phú được sửa đổi bổ sung thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên diễn ra ngày 27/7/2016;

- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông số: 14.../BB-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 9 năm 2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 Công ty cổ phần Pin Ác quy Vĩnh Phú.

### ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

### CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY VĨNH PHÚ

### QUYẾT NGHỊ:

**ĐIỀU 1.** Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017.

*(Có Báo cáo kèm theo).*

**ĐIỀU 2.** Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017.

Đại hội đồng cổ đông nhất trí Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh năm 2016 và phương hướng nhiệm vụ năm 2017. *(Có báo cáo kèm theo).*

**Cụ thể như sau:**

## 1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014, 2015, 2016:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	Thực hiện năm 2015	Kế hoạch năm 2016	Thực hiện năm 2016
	1	2	3	4	5	6	7	8
1	Giá trị SXCN	Tr.đ	47.240	25.965	37.200	17.841	35.000	16.958
2	Dung lượng SX ắc quy	Kwh	65.000	45.802	53.900	37.164	55.000	34.050
3	Doanh thu	Tr.đ	87.000	66.259	70.000	51.330	70.000	43.484
4	Nộp ngân sách NN	Tr.đ		4.754		3.299	1.691	2.788
5	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/th		3,7		3,7		3,7
6	Lao động bình quân	Người		177		149		120

## 2. Phương hướng, nhiệm vụ năm 2017:

- Năm 2017 được đánh giá là năm vẫn còn nhiều khó khăn đối với Công ty cổ phần Pin Ắc Quy Vĩnh Phú. Nhiệm vụ trọng tâm vẫn là tìm mọi cách ổn định sản xuất kinh doanh, tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người lao động, kiên quyết thu hồi công nợ để lấy nguồn kinh phí duy trì sản xuất, đảm bảo an sinh xã hội. Bên cạnh đó Công ty cũng luôn cố gắng hàng tháng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước và thực hiện đầy đủ chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động.

Tuy xác định năm 2017 Công ty còn gặp rất nhiều khó khăn, nhưng Ban lãnh đạo Công ty luôn xác định sản phẩm chính là ắc quy và xin mạnh dạn đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh cũng như một số chỉ tiêu khác như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	Thực hiện KH 6 tháng đầu năm 2017
1.	Giá trị SXCN	Tr.đ	35.000	7.466
2.	Doanh thu	Tr.đ	66.000	20.000
3.	Dung lượng SX ắc quy	Kwh	52.000	17.917
4.	Nộp ngân sách NN	Tr.đ	3.623	1.000
5.	Khấu hao	Tr.đ	3.190	1.595
6.	Tổng mức đầu tư	Tr.đ		
7.	Lợi nhuận	Tr.đ	2.950	
8.	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng/th	4,0	4,7
9.	Cổ tức	%		



Đại hội uỷ quyền cho HĐQT Công ty trong quá trình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017, nếu điều kiện thuận lợi về sản xuất và tiêu thụ hoặc khó khăn trong SXKD và tiêu thụ thì được quyền quyết định điều chỉnh tăng, giảm các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh nhằm đảm bảo hiệu quả lợi ích của cổ đông và Công ty.

**ĐIỀU 3: Thông qua Báo cáo tài chính năm 2014, 2015, 2016**

(Báo cáo được đăng tải trên Website Công ty [www.vibaco.com.vn](http://www.vibaco.com.vn)).

Dưới đây là một số chỉ tiêu chính trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong BCTC các năm 2014, 2015, 2016 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua.

**I/ Năm 2014:**

1. Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 (ĐVT: VND)

1.1. Tổng giá trị tài sản: 52.006.149.743. Trong đó một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Tiền và các khoản tương đương tiền: 796.278.326
  - Phải thu khách hàng: 4.885.242.217
  - Phải thu nội bộ ngắn hạn: 12.041.366.506
  - Các khoản phải thu khác: 260.000.000
  - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: 3.698.360.453
  - Hàng tồn kho: 16.509.632.687
  - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: 1.080.516.458
  - Tài sản cố định: 20.547.146.171
- 1.2. Tổng nguồn vốn: 52.066.149.743
- Vay và nợ ngắn hạn: 27.656.841.471
  - Phải trả người bán: 21.513.419.391
  - Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: 803.023.376
  - Chi phí phải trả: 2.065.842.106
  - Các khoản phải nộp phải trả ngắn hạn khác: 2.860.540.988
  - Vay và nợ dài hạn: 2.589.999.509
  - Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 21.101.830.000

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại ngày 31/12/2014

(ĐVT:VNĐ)

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	66.259.854.461	71.107.972.798
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.486.435.190	1.699.300.354
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		64.773.419.271	69.408.672.444
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	53.242.453.632	58.610.453.402
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.530.965.639	10.798.219.042
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.549.377	11.031.830
7	Chi phí tài chính	22	VI.4	4.011.825.000	2.156.290.601
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.263.063.858	2.156.290.601
8	Chi phí bán hàng	25	VI.5	12.323.624.257	9.513.894.402
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.192.849.987	5.357.600.996
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(11.994.784.228)	(6.218.535.127)
11	Thu nhập khác	31	VI.7	54.400.000	1.334.711.613
12	Chi phí khác	32	VI.8	345.686.447	235.525.684
13	Lợi nhuận khác	40		(290.286.447)	1.099.185.929
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(12.285.070.675)	(5.119.349.198)

11/01/2015 10:21 AM

## II/ Năm 2015:

1. Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 (ĐVT: VND)

1.1: Tổng giá trị tài sản: 41.439.148.459.

Trong đó một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Tiền và các khoản tương đương tiền: 245.006.121
- Phải thu khách hàng: 4.445.683.847
- Phải thu nội bộ ngắn hạn: 7.708.163.998
- Các khoản phải thu khác: 1.250.180.033
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: 3.737.586.697
- Hàng tồn kho: 15.506.204.719
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: 1.947.539.402
- Tài sản cố định: 17.124.139.418

1.2: Tổng nguồn vốn: 41.439.148.459.

Trong đó một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Phải trả người bán: 17.616.883.927
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: 1.391.148.359
- Chi phí phải trả ngắn hạn: 3.866.965.854
- Phải trả ngắn hạn khác: 3.295.854.165
- Vay và nợ tài chính ngắn hạn: 28.346.898.771
- Vay và nợ tài chính dài hạn: 2.632.997.174
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 21.101.830.000

101  
01  
3  
A  
N  
/ 75



2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại ngày 31/12/2015

(ĐVT: VND)

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	51.330.360.271	66.259.854.461
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.117.985.882	1.486.435.190
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		50.212.374.389	64.773.419.271
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	40.035.433.319	53.242.453.632
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.176.941.070	11.530.965.639
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.199.963	2.549.377
7	Chi phí tài chính	22	VI.4	4.169.576.171	4.011.825.000
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		3.194.444.523	3.263.063.858
8	Chi phí bán hàng	25	VI.5	7.476.921.643	12.323.624.257
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.141.826.394	7.192.849.987
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.608.183.175)	(11.994.784.228)
11	Thu nhập khác	31	VI.7	406.499.455	54.400.000
12	Chi phí khác	32	VI.8	2.535.464.830	345.686.447
13	Lợi nhuận khác	40		(2.128.965.375)	(290.286.447)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10.737.148.550)	(12.285.070.675)

1101 2015 101 111

### III/ Năm 2016:

1. Các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016 (ĐVT: VND)

1.1: Tổng giá trị tài sản: 43.442.169.311.

Trong đó một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Tiền và các khoản tương đương tiền: 8.325.703.624
- Phải thu khách hàng: 5.268.472.164
- Phải thu nội bộ ngắn hạn: 14.466.726.111
- Các khoản phải thu khác: 1.229.655.070
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: 17.112.223.022
- Hàng tồn kho: 19.481.791.462
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: 2.131.160.656
- Tài sản cố định: 13.824.492.341

1.2: Tổng nguồn vốn: 43.442.169.311.

Trong đó một số chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- Phải trả người bán ngắn hạn: 17.722.564.461
- Thuế và các khoản phải nộp nhà nước: 2.422.884.341
- Chi phí phải trả ngắn hạn: 7.902.258.686
- Phải trả nợ bộ ngắn hạn: 416.675.790
- Phải trả ngắn hạn khác: 14.280.810.762
- Vay và nợ cho thuê tài chính ngắn hạn: 32.408.065.659
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 21.101.830.000

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại ngày 31/12/2016

(ĐVT: VND)

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	43.484.597.154	51.330.360.271
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		194.307.635	1.117.985.882
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		43.290.289.519	50.212.374.389
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.2	32.242.158.048	40.035.433.319
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.048.131.471	10.176.941.070
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	107.884.121	3.199.963
7	Chi phí tài chính	22	VI.4	2.166.593.107	4.169.576.171
	Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.472.155.500	3.194.444.523
8	Chi phí bán hàng	25	VI.5	3.983.344.646	7.476.921.643
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	17.511.621.816	7.141.826.394
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(12.505.543.977)	(8.608.183.175)
11	Thu nhập khác	31	VI.7	37.735.800	406.499.455
12	Chi phí khác	32	VI.8	2.996.522.148	2.535.464.830
13	Lợi nhuận khác	40		(2.958.786.348)	(2.128.965.375)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(15.464.330.525)	(10.737.148.550)

**ĐIỀU 4: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty năm 2016 - 2017.**

Đại hội đồng cổ đông nhất trí Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty năm 2016 - 2017.

*(Có Báo cáo kèm theo).*

PHỤ LỤC 2/2016



**ĐIỀU 5: Thông qua Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính 2017 (Có tờ trình kèm theo).**

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua tiêu thức và danh sách 10 đơn vị kiểm toán theo tờ trình của Ban kiểm soát để lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính trong năm 2017 của Công ty.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc chọn một trong mười Công ty kiểm toán độc lập theo Tờ trình của Ban kiểm soát và giao cho Tổng giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán độc lập được chọn để thực hiện kiểm toán và soát xét các Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

1. CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC
2. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
3. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
4. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM
5. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
6. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIỆT NAM
7. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
8. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT
9. CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA
10. CÔNG T TNHH KẾ YTOÁN VÀ KIỂM TOÁN AAC

**ĐIỀU 6: Thông qua Tờ trình chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT năm 2016. Đề xuất mức thù lao năm 2017 (Có tờ trình kèm theo).**

1. Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua mức chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT năm 2016:

ĐVT: đồng/năm

STT	Ban điều hành	Số lượng	Mức thù lao
1.	Hội đồng quản trị	05	104.000.000
2.	Ban kiểm soát	03	31.200.000
3.	Thư ký HĐQT	01	9.600.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>09</b>	<b>144.800.000</b>

**Trong đó:**

- Chủ tịch HĐQT: 3.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 36.000.000,đồng
- Thành viên HĐQT (02): 2.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 48.000.000,đồng
- Thành viên HĐQT (02): 2.000.000 đồng/tháng x 05 tháng = 20.000.000,đồng
- Trưởng ban kiểm soát : 1.000.000 đồng/tháng x 12 tháng = 12.000.000,đồng
- Thành viên BKS (02): 800.000 đồng/tháng x 12 tháng = 19.200.000,đồng
- Thư ký Hội đồng quản trị: 800.000 đồng/tháng x 12 tháng = 9.600.000,đồng

Nguồn tiền thù lao được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2016. Được thể hiện thành một mục trong báo cáo tài chính năm của Công ty.

**2. Thông qua mức thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2017.**

Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua mức thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT năm 2017:

ĐVT: đồng/năm

STT	Ban điều hành	Số lượng	Mức thù lao
1.	Hội đồng quản trị	05	132.000.000
2.	Ban kiểm soát	03	31.200.000
3.	Thư ký HĐQT	01	9.600.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>09</b>	<b>172.800.000</b>

**Trong đó:**

- Chủ tịch HĐQT 3.000.000 đồng/tháng
- Thành viên HĐQT (4 thành viên) 2.000.000 đồng/tháng
- Trưởng ban kiểm soát 1.000.000 đồng/tháng
- Thành viên ban kiểm soát (2 thành viên) 800.000 đồng/tháng
- Thư ký Hội đồng quản trị 800.000 đồng/tháng

Nguồn tiền thù lao được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2017. Được thể hiện thành một mục trong báo cáo tài chính năm của Công ty.

**3. Quyết định chế độ thưởng và chi phí hoạt động Ban điều hành:**

Việc thưởng vượt kế hoạch kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành năm 2017 chỉ được xem xét, thực hiện trong trường hợp Công ty đạt trên 120% kế hoạch kinh doanh trên tất cả các chỉ tiêu đã được ĐHCĐ thông qua. ĐHCĐ giao HĐQT Công ty xem xét, quyết định mức thưởng cụ thể trong trường hợp vượt kế hoạch nói trên.

**ĐIỀU 7: Điều khoản thi hành.**

Đại Hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Pin Ác Quy Vĩnh Phú năm 2017 đã được tiến hành công bằng và hợp pháp. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Đại hội ủy quyền cho Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Pin Ác Quy Vĩnh Phú có trách nhiệm tiến hành các công việc được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 đã quyết nghị, đảm bảo lợi ích của các cổ đông, lợi ích doanh nghiệp và phù hợp với quy định của Pháp luật.

***Nơi nhận:***

- Các cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Ban TGD;
- Đăng Website Cty;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA - CHỦ TỊCH HĐQT**



**CHỦ TỊCH HĐQT**  
*Dào Hữu Uyên*